SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.01981
24.1904/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
   Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu vào trước khi xử lý
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT1
5. Ngày lấy mẫu : 15/11/2024
6. Ngày nhận mẫu : 15/11/2024
7. Thời gian thử nghiệm : 15/11/2024 - 03/12/2024
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT CộtA Kq=0,9; Kf=1,0
1	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,07	6 - 9
2	Độ màu(1)(2)	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	30	50
3	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	9	27
4	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	33	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	14	45
6	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 5988:1995	6,16	4,50
7	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	33,9	18,0
8	Tổng phốt pho(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,04	3,60
9	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	<0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,50
11	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,090
14	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,045
16	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,80
17	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,27	2,70
18	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,57	0,90
19	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	0,015	0,18
20	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	$1,1x10^5$	3.000

Chú thích:
SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.01981 24.1904/2DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	04/12/2024 Trang 1/2

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
   Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra sau xử lý
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT2
5. Ngày lấy mẫu : 15/11/2024
6. Ngày nhận mẫu : 15/11/2024
7. Thời gian thử nghiệm : 15/11/2024 - 03/12/2024
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT CộtA Kq=0,9; Kf=1,0
1	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,17	6 - 9
2	Độ màu(1)(2)	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	14	50
3	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	3	27
4	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	10	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	45
6	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,090	4,50
7	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,4	18,0
8	Tổng phốt pho(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,75	3,60
9	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	<0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,50
11	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,090
14	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,045
16	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,80
17	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,11	2,70
18	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,053	0,90
19	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,18
20	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	$3,3x10^2$	3.000

Chú thích:
SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.01981
24.1904/4DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
   Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Suối Bí đoạn qua xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
3. Tên mẫu : Nước mặt
4. Ký hiệu mẫu : NM1
5. Ngày lấy mẫu : 15/11/2024
6. Ngày nhận mẫu : 15/11/2024
7. Thời gian thử nghiệm : 15/11/2024 - 02/12/2024
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được do đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.01981
24.19044/MDV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	6,91
2	Độ màu(1)(2)	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	9
3	Ôxy hòa tan (DO)(1)(2)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,52
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	<3
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	6
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	16
7	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,21
8	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,12
9	Tổng phốt pho(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18
10	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	<0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng(3)(4)	mg/L	SMEWW 5520 C&F:2023	<3
12	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001
13	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005
14	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,004
15	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0005
16	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,005
17	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01
18	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05
19	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	1,32
20	Crôm III (Cr^{3+})(3)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	0,014
21	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	$1,3x10^5$

Chú thích:
SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(3) : *Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được do đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.01981
24.1904/3DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
   Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Tại điểm xả ra Suối Bí
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT3
5. Ngày lấy mẫu : 15/11/2024
6. Ngày nhận mẫu : 15/11/2024
7. Thời gian thử nghiệm : 15/11/2024 - 03/12/2024
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI Số: 24.01981

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT CộtA Kq=0,9; Kf=1,0
1	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,14	6 - 9
2	Độ màu(1)(2)	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	13	50
3	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	<3	27
4	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	7	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	45
6	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,10	4,50
7	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,03	18,0
8	Tổng phốt pho(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,59	3,60
9	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	<0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,50
11	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,090
14	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,045
16	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,80
17	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,088	2,70
18	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,20	0,90
19	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	0,014	0,18
20	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	$2,3x10^2$	3.000

Chú thích:
SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.01981
24.1904/5DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Từ HTXLNT
3. Tên mẫu : Bùn thải
4. Ký hiệu mẫu : B1
5. Ngày lấy mẫu : 15/11/2024
6. Ngày nhận mẫu : 15/11/2024
7. Thời gian thử nghiệm : 16/11/2024 - 03/12/2024
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số: 24.01981/24.19045DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN50:2013/BTNMT Ngưỡng CTNH	
					Hàm lượng tuyệt đối H_{tt} (ppm)	Nồng độ ngâm chiết C_{tt} (mg/L)
1	Asen (As)(1)(2)	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 3120 B:2023	<0,1	-	2
2	Bari (Ba)(1)(2)	mg/L		0,12	-	100
3	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L		<0,01	-	0,50
4	Bạc (Ag)(1)(2)	mg/L		<0,1	-	5
5	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L		<0,05	-	15
6	Coban (Co)(1)(2)	mg/L		<0,05	-	80
7	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L		18,9	-	250
8	Selen (Se)(1)(2)	mg/L		<0,1	-	1
9	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L		0,11	-	70
10	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	USEPA 1311:1992 & TCVN 7877:2008	<0,0005	-	0,2
11	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 3500-Cr B:2023	<0,05	-	5
12	Tổng dầu(1)(2)	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 5520 B:2023	<5	-	50
13	Tổng xyanua (CN^-)(1)(2)	ppm	USEPA 9013A:2014 & USEPA 9010C:2004 & USEPA 9014:2014	<2	114	-
14	Tỷ số T(2)(3)		TCVN 6648:2000	0,15	-	-
15	Phenol (*)	mg/L	USEPA Method 1311& USEPA Method 8041 A	KPH (LOD=0,5)	-	1.000

Chú thích:

USEPA : *United States Environmental Protection Agency*
SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(3) : *Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts*
KPH : *Không phát hiện*
LOD : *Giới hạn phát hiện*

(*):Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-06521BMT4 (MT.2024.01172) ngày 26/11/2024

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng